

Số: 72/NQ-HĐND

Ia Pa, ngày 14 tháng 9 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước
giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 02 Chương trình mục tiêu quốc gia**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN IA PA
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ BẢY (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, giai đoạn I: Từ năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình MTQG;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình MTQG;

Sau khi xem xét Tờ trình số 122/TTr-UBND, ngày 06/9/2022 của UBND huyện Ia Pa về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 02 Chương trình MTQG trên địa bàn huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 02 chương trình MTQG, cụ thể như sau:

1. Ngân sách trung ương

- Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giao thực hiện 02 chương trình tại Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Gia Lai là: 153.816 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là: 100.934 triệu đồng.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là: 52.882 triệu đồng.

2. Ngân sách tỉnh

Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh giao thực hiện 02 chương trình tại Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Gia Lai là 38.916 triệu đồng, trong đó:

Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là: 38.916 triệu đồng.

Điều 2. Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 02 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 là: 192.732 triệu đồng; Trong đó: Ngân sách trung ương: 153.816 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 38.916 triệu đồng; cụ thể:

a) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 139.850 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách trung ương: 100.934 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 38.916 triệu đồng. Cụ thể các dự án thành phần gồm:

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 25.489 triệu đồng.

- Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 44.010 triệu đồng.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc: 61.764 triệu đồng.

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch: 7.115 triệu đồng.

- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS & MN; kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: 1.472 triệu đồng.

b) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 52.882 triệu đồng. Cụ thể:

- Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (02 xã): 4.752 triệu đồng.
- Xã đạt 15-18 tiêu chí (01 xã): 9.304 triệu đồng.
- Xã đạt dưới 15 tiêu chí (02 xã): 29.572 triệu đồng.
- Xã đặc biệt khó khăn: (04 xã): 9.434 triệu đồng.

(Chi tiết có các phụ lục kèm theo)

Điều 3. Điều khoản thi hành

Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai Nghị quyết.

Giao Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND và Đại biểu HĐND huyện theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa V, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 14 tháng 9 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch - ĐT;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện; UBND TTQ huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- VP. HĐND&UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể huyện;
- Các đơn vị Tỉnh, TW đứng chân trên địa bàn huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã;
- Trung tâm VH TT & TT; Công TTĐT huyện (công bố);
- Lưu: VT.

} (b/cáo)

CHỦ TỊCH

Rah Lan H' Dry

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN 02 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	TỔNG KẾ HOẠCH VỐN 02 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA			CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI			CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI			Ghi chú
		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Trong đó:		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Trong đó:		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Trong đó:		
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
1	2	3=6+9	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	
	TỔNG SỐ	192.732	153.816	38.916	139.850	100.934	38.916	52.882	52.882	-	
a	Các đơn vị cấp huyện	46.078	28.059	18.019	46.078	28.059	18.019	-	-	-	
1	Ban QLDA ĐTXD huyện	44.010	26.180	17.830	44.010	26.180	17.830	-			
2	Phòng Văn hoá và Thông tin	1.472	1.472		1.472	1.472	-	-			
3	Trung Tâm Văn hoá Thông tin và Thể thao	596	407	189	596	407	189				
b	UBND các xã	146.654	125.757	20.897	93.772	72.875	20.897	52.882	52.882	-	
1	Pờ Tó	21.107	15.849	5.258	18.748	13.490	5.258	2.359	2.359		
2	Chư Răng	15.626	14.435	1.191	13.267	12.076	1.191	2.359	2.359		
3	Kim Tân	13.983	12.986	997	4.679	3.682	997	9.304	9.304		
4	Ia Mron	4.333	2.662	1.671	2.047	376	1.671	2.286	2.286	-	
5	Ia Trok	23.549	22.234	1.315	8.764	7.449	1.315	14.785	14.785		
6	Ia Broãi	22.128	19.313	2.815	19.769	16.954	2.815	2.359	2.359		
7	Ia Tul	3.446	2.447	999	1.160	161	999	2.286	2.286		
8	Chư Mố	24.302	20.577	3.725	9.517	5.792	3.725	14.785	14.785		
9	Ia Kdăm	18.180	15.254	2.926	15.821	12.895	2.926	2.359	2.359		

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	Tổng vốn giai đoạn 2021-2025 (Nguồn vốn ngân sách Trung ương)	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>
	Huyện Ia Pa	52.882	
I	Xã đạt chuẩn nông thôn mới	4.572	
1	Ia Mron	2.286	
2	Ia Tul	2.286	
II	Xã đạt 15-18 tiêu chí	9.304	
3	Kim Tân	9.304	
III	Xã đạt dưới 15 tiêu chí	29.570	
4	Ia Trok	14.785	
5	Chư Mố	14.785	
IV	Xã ĐBK	9.436	
6	Chư Răng	2.359	
7	Pờ Tó	2.359	
8	Ia Broãi	2.359	
9	Ia Kdăm	2.359	
TỔNG CỘNG		52.882	

Bảng chữ: Năm mươi hai tỷ tám trăm tám mươi hai triệu đồng.

Ghi chú:

Mức đối ứng chương trình NTM được quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	Tổng kinh phí thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025			Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết			Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc			Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch			Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		
		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:	
			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP
		1=2+3	2=5+8+11+14+17	3=6+9+12+15+18	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	16=17+18	17	18
	Huyện Ia Pa	139.850	100.934	38.916	25.489	6.655	18.834	44.010	26.180	17.830	61.764	61.764	-	7.115	4.863	2.252	1.472	1.472	-
I	Các đơn vị cấp huyện	46.078	28.059	18.019	-	-	-	44.010	26.180	17.830	-	-	-	596	407	189	1.472	1.472	-
01	Ban QLDA ĐTXD huyện	44.010	26.180	17.830				44.010	26.180	17.830									
02	Phòng Văn hoá và Thông tin	1.472	1.472														1.472	1.472	
3	Trung tâm Văn hoá Thông tin và Thể thao	596	407	189										596	407	189			
II	UBND các xã	93.772	72.875	20.897	25.489	6.655	18.834	-	-	-	61.764	61.764	-	6.519	4.456	2.063	-	-	-
01	Pờ Tó	18.748	13.490	5.258	5.236	400	4.836				12.180	12.180		1.332	910	422	-		
02	Chư Răng	13.267	12.076	1.191	1.320	160	1.160				11.848	11.848		99	68	31	-		
03	Kim Tân	4.679	3.682	997	1.144	200	944				3.367	3.367		169	116	53	-		
04	Ia Mron	2.047	376	1.671	1.848	240	1.608				-	0		199	136	63	-		
05	Ia Trok	8.764	7.449	1.315	1.276	200	1.076				6.733	6.733		755	516	239	-		
06	Ia Broãi	19.769	16.954	2.815	5.783	3.560	2.223				12.117	12.117		1.869	1.277	592	-		
07	Ia Tul	1.160	161	999	1.100	120	980				-	0		60	41	19	-		
08	Chư Mố	9.517	5.792	3.725	4.790	1.495	3.295				3.367	3.367		1.361	931	430	-		
09	Ia Kdăm	15.821	12.895	2.926	2.992	280	2.712				12.153	12.153		676	462	214	-		

Ghi chú: Chi tiết dự án 2 theo biểu phụ lục 07

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS& MN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt																						
		Tổng số (hộ)	Tổng số (công trình)	Tổng vốn	Trong đó		1. Hộ được hỗ trợ đất ở (40 trđ/hộ)		2. Hộ được hỗ trợ nhà ở (NSTW 40 trđ/hộ, NSDP 4 trđ/hộ)			3. Hộ được hỗ trợ đất sản xuất (22,5 trđ/hộ)		4. Công trình nước sinh hoạt tập trung (TB 3.000 trđ/công trình)		1. Hộ được hỗ trợ đất ở (44trđ/hộ)		2. Hộ được hỗ trợ nhà ở (44trđ/hộ)		3. Hộ được hỗ trợ đất sản xuất (22,5 trđ/hộ)		4. Công trình nước sinh hoạt tập trung (TB 3000 trđ/công trình)		
					NSTW	NSDP	Số lượng (hộ)	NSTW	Số lượng (hộ)	Tổng vốn	Trong đó		Số lượng (hộ)	NSTW	Số lượng (công trình)	NSTW	Số lượng (hộ)	NSDP	Số lượng (hộ)	NSDP	Số lượng (hộ)	NSDP	Số lượng (công trình)	NSDP
											NSTW	NSDP												
1	2	$3=8+10+14+18+20+22$	$4=16+24$	$5=6+7$	$6=8+10+12+14$	$7=16+18+20+22$	8	$9=8*40trđ$	10	$11=12+13$	$12=10*40trđ$	$13=10*4trđ$	14	$15=14*22,5trđ$	16	$17=16*3.000trđ$	18	$19=18*44trđ$	20	$21=20*44trđ$	22	$23=22*22,5trđ$	24	25
Tổng cộng		559	1	25.489	6.655	18.834	-	-	52	2.288	2.080	208	70	1.575	1	3.000	200	8.800	209	9.196	28	630	-	-
01	Pờ Tô	119	-	5.236	400	4.836	-	-	10	440	400	40	-	-	-	-	57	2.508	52	2.288	-	-	-	0
02	Chư Răng	30	-	1.320	160	1.160	-	-	4	176	160	16	-	-	-	-	10	440	16	704	-	-	-	0
03	Kim Tân	26	-	1.144	200	944	-	-	5	220	200	20	-	-	-	-	11	484	10	440	-	-	-	0
04	Ia Mrom	42	-	1.848	240	1.608	-	-	6	264	240	24	-	-	-	-	10	440	26	1.144	-	-	-	0
05	Ia Trok	29	-	1.276	200	1.076	-	-	5	220	200	20	-	-	-	-	3	132	21	924	-	-	-	0
06	Ia Broãi	74	1	5.783	3.560	2.223	-	-	5	220	200	20	16	360	1	3.000	28	1.232	19	836	6	135	-	0
07	Ia Tul	25	-	1.100	120	980	-	-	3	132	120	12	-	-	-	-	10	440	12	528	-	-	-	0
08	Chư Mố	146	-	4.790	1.495	3.295	-	-	7	308	280	28	54	1.215	-	-	36	1.584	27	1.188	22	495	-	0
09	Ia Kdăm	68	-	2.992	280	2.712	-	-	7	308	280	28	-	-	-	-	35	1.540	26	1.144	-	-	-	0
* Ghi chú:																								

* Ghi chú:

1/ Đối với các hộ được hỗ trợ nhà ở định mức hỗ trợ 44 triệu đồng/hộ: Tuy nhiên theo bảng phân bổ này vốn ngân sách Trung ương chỉ phân bổ 40 triệu đồng/hộ; cụ thể (52 hộ X 40 triệu đồng/hộ = 2.080 triệu đồng) + (vốn ngân sách địa phương hỗ trợ 52 hộ X 4 triệu đồng/hộ = 208 triệu đồng); Vốn ngân sách địa phương hỗ trợ 209 hộ X 44 triệu đồng/hộ = 9.196 triệu đồng; Tổng ngân sách địa phương phân bổ: 208 triệu đồng + 9.196 triệu đồng = 9.404 triệu đồng; Vay vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội không vượt quá 40 triệu đồng/hộ, thời hạn vay tối đa là 15 năm, lãi suất cho vay bằng 3%/năm).

2/ Hộ được hỗ trợ đất sản xuất, thực hiện theo hình thức hộ tự liên hệ mua đất sản xuất từ người thân hoặc trong cộng đồng, với định mức (vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ 22,5 triệu đồng/hộ; vay vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội thỏa thuận nhưng không vượt quá 77,5 triệu đồng/hộ, thời hạn vay tối đa là 10 năm, lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ)

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS & MN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện	Tổng cộng dự án			Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở nhưng nơi cần thiết (Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư xã Pờ Tó)			Dự án 4, Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐB DTTS và MN			Dự án 10, Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế- xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng ĐB DTTS&MN			Ghi chú (Tiêu chí thực hiện)
		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		
	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			
1	2	3=4+5	4=7+10+13+16	5=8+11+14+17	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	15=16+17	16	17	
	Tổng cộng: I+II	107.246	89.416	17.830	44.010	26.180	17.830	61.764	61.764	-	1.472	1.472	-	-
I	Các đơn vị cấp huyện	45.482	27.652	17.830	44.010	26.180	17.830	-	-	-	1.472	1.472	-	-
01	Ban QLDA ĐTXD huyện	44.010	26.180	17.830	44.010	26.180	17.830	-	-	-	-	-	-	-
02	Phòng Văn hóa và Thông tin	1.472	1.472	-	-	-	-	-	-	-	1.472	1.472	-	-
II	UBND các xã	61.764	61.764	-	-	-	-	61.764	61.764	-	-	-	-	-
01	Pờ Tó	12.180	12.180	-	-	-	-	12.180	12.180	-	-	-	-	-Tiêu chí 2:Thôn Bì Đông, Bì Gia; - Tiêu chí 3: 7 thôn
02	Chư Răng	11.848	11.848	-	-	-	-	11.848	11.848	-	-	-	-	- Tiêu chí 3: 5 thôn
03	Kim Tân	3.367	3.367	-	-	-	-	3.367	3.367	-	-	-	-	-Tiêu chí 1: Thôn Blôm; - Tiêu chí 3: 5 thôn
04	Ia Mron	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-Tiêu chí 3: 10 thôn
05	Ia Trok	6.733	6.733	-	-	-	-	6.733	6.733	-	-	-	-	-Tiêu chí 2: Ploi Rngôl; - Tiêu chí 3: 8 thôn

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện	Tổng cộng dự án			Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết (Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư xã Pờ Tó)			Dự án 4, Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐB DTTS và MN			Dự án 10, Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế- xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng ĐB DTTS&MN			Ghi chú (Tiêu chí thực hiện)
		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		
NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP				
06	Ia Broãi	12.117	12.117	-	-	-	-	12.117	12.117	-	-	-	-	-Tiêu chí 2: Bôn Broãi, Ia Rniui, Bôn Tul; - Tiêu chí 3: 4 thôn
07	Ia Tul	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-Tiêu chí 3: 3 thôn
08	Chư Mố	3.367	3.367	-	-	-	-	3.367	3.367	-	-	-	-	-Tiêu chí 1: Ploi Apa Oi H' Trông; - Tiêu chí 2: Ploi Apa Ama Đá, Ama Lim. - Tiêu chí 3: 5 thôn
09	Ia Kdăm	12.153	12.153	-	-	-	-	12.153	12.153	-	-	-	-	-Tiêu chí 2: Ploi Kdăm.; -Tiêu chí 3: 4 thôn

*** Ghi chú:**

1. Dự án 4 : Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐB DTTS và MN, căn cứ theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 về phê duyệt kết quả hộ nghèo, cận nghèo năm 2019 trên địa bàn huyện Ia Pa.

2. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch

- 1. Tiêu chí Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu
- 2. Tiêu chí Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một thôn, làng truyền thống tiêu biểu của các DTTS
- 3. Tiêu chí Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN
- 4. Tiêu chí Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các DTTS, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS& MN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Các đơn vị	Tổng cộng dự án		Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch															
				Tổng cộng			1. Tiêu chí Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu 7đ			2. Tiêu chí Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một thôn, làng truyền thống tiêu biểu của các DTTS 60đ			3. Tiêu chí Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN (2đ/thôn)			4. Tiêu chí Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các DTTS, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch (60đ/mô hình)			
		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó	
		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	
Tổng cộng (I)+(II)		7.115	4.863	2.252	6.519	4.456	2.063	139	95	44	5.366	3.666	1.700	1.014	695	319	596	407	189
I	Đơn vị cấp huyện	596	407	189	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	596	407	189
1	Trung tâm Văn hoá Thông tin và Thể thao	596	407	189													596	407	189
II	UBND các xã	6.519	4.456	2.063	6.519	4.456	2.063	139	95	44	5.366	3.666	1.700	1.014	695	319	-	-	-
1	Pờ Tô	1.332	910	422	1.332	910	422		-		1.193	815	378	139	95	44			
2	Chư Răng	99	68	31	99	68	31		-					99	68	31			
3	Kim Tân	169	116	53	169	116	53	70	48	22	-	-		99	68	31			
4	Ia Mron	199	136	63	199	136	63		-		-	-		199	136	63			
5	Ia Trok	755	516	239	755	516	239		-		596	407	189	159	109	50			
6	Ia Broãi	1.869	1.277	592	1.869	1.277	592		-		1.789	1.222	567	80	55	25			
7	Ia Tul	60	41	19	60	41	19		-	-	-	-	-	60	41	19			
8	Chư Mố	1.361	931	430	1.361	931	430	70	48	22	1.192	815	377	99	68	31			
9	Ia Kdăm	676	462	214	676	462	214		-		596	407	189	80	55	25			

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025**DỰ ÁN 2: QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT***(Kèm theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của Hội đồng nhân dân huyện)**ĐVT: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án/ phương án	Số dự án	Số hộ được sắp xếp ổn định (hộ)	Tổng mức đầu tư giai đoạn 2021 - 2025	Vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn ĐT năm 2022	Trong đó		Ghi chú
							Vốn NSTW	Vốn NSDP	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
I	Huyện Ia Pa	01	160	47.188	44.010	10.840	7.070	3.770	
01	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư xã Pờ Tó	01	160	47.188	44.010	10.840	7.070	3.770	